



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10567/2026/PKQ (4494.01A2606.043)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 02/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 02/06/2026 - 09/06/2026

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Ống khí thải lò hơi số 2 nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
					Cmax*
1	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	30,46	280
2	Nhiệt độ ^(b)	QT-HT.03	°C	128	-
3	Áp suất ^(b)	QT-HT.03	Pa	100.752	--
4	Độ ẩm ^(b)	US EPA 04	%	3,6	
5	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	Nm ³ /h	9.816	-
6	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	29,55	-
7	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	10,2	-
8	Cacbon oxit, CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	12,92	1.400
9	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	495,18	700
10	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	94,43	1.190
11	O ₂ ^(b)	QT-HT.03	%	15,07	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): $Kp=1$, $Kv=1,4$;
- (-): Không xác định
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; ;
- MTC - Boiler 02: Ống khí thải lò hơi số 2 nhà máy MTC: 01A2606.043.

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10566/2026/PKQ (4494.01A2606.042)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 02/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 02/06/2026 - 09/06/2026

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	Ống khí thải lò hơi số 1 nhà máy MTC	QCVN 19:2009/BTNMT
					Cmax*
1	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	31,85	280
2	Nhiệt độ ^(b)	QT-HT.03	°C	115	
3	Áp suất ^(b)	QT-HT.03	Pa	100.752	--
4	Độ ẩm ^(b)	US EPA 04	%	3,4	-
5	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	Nm ³ /h	9.942	-
6	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	29,48	-
7	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	10	-
8	Cacbon oxit, CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	10,64	1.400
9	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	490,6	700
10	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	79,66	1.190
11	O ₂ ^(b)	QT-HT.03	%	15,51	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): $K_p=1$, $K_v=1,4$;
- (-): Không xác định
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; ;
- MTC - Boiler 01: Ống khí thải lò hơi số 1 nhà máy MTC: 01A2606.042.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2026
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12975/2026/PKQ (4454.01A2606.041)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 - 13/07/2026

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	MTC - H2S: Ổng khí thải H2S nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
					Cmax*
1	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	3,49	280
2	Nhiệt độ ^(b)	QT-HT.03	°C	37	-
3	Áp suất ^(b)	QT-HT.03	Pa	100.793	-
4	Độ ẩm ^(b)	US EPA 04	%	3,3	-
5	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	Nm ³ /h	480	-
6	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	28,83	-
7	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	2	-
8	Cacbon oxit, CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	<5	1.400
9	Hydro sunphua, H ₂ S ^(b)	Jis K 0108: 2010	mg/Nm ³	<1	10,5
10	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	<5	700
11	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	<5	1.190
12	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃ ^(b)	US EPA 08	mg/Nm ³	<1,5	-
13	O ₂ ^(b)	QT-HT.03	%	20,8	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (-): Không xác định
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- MTC - H2S: Ổng khí thải H2S nhà máy MTC: 01A2606.041.

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiến

Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 12974/2026/PKQ (4454.01A2606.040)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ : Xóm Suối Cát, xã An Khánh, tỉnh Thái Nguyên
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 - 13/07/2026

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	MTC - NH3: Ổng khí thải NH3 nhà máy MTC	QCVN 19:2009/ BTNMT
					Cmax*
1	Bụi tổng ^(b)	US EPA 05	mg/Nm ³	3,23	280
2	Nhiệt độ ^(b)	ISTEE.SOP.HT.NĐ	°C	35	-
3	Áp suất ^(b)	ISTEE.SOP.HT.AS	Pa	100.801	-
4	Độ ẩm ^(b)	US EPA 04	%	5,4	-
5	Lưu lượng ^(b)	US EPA 02	Nm ³ /h	1.004	-
6	Amoniac và các hợp chất amoni (NH ₃) ^(b)	JIS K 0099: 2020	mg/Nm ³	14,28	70
7	Khối lượng mol phân tử khí khô ^(b)	US EPA 03	g/mol	28,84	-
8	Vận tốc ^(b)	US EPA 02	m/s	4,3	-
9	Cacbon oxit, CO ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	<5	1.400
10	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	<5	700
11	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂) ^(b)	HD-HTKT	mg/Nm ³	<5	1.190
12	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃ ^(b)	US EPA 08	mg/Nm ³	<1,5	70
13	O ₂ ^(b)	QT-HT.03	%	21	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- (*): Kp=1, Kv=1,4;
- (-): Không xác định
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- MTC - NH3: Ổng khí thải NH3 nhà máy MTC: 01A2606.040.

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh